

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bích Thủy	Chủ tịch, bổ nhiệm từ ngày 26/3/2010
Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch, miễn nhiệm từ ngày 26/3/2010
Ông Bùi Viết Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Khôi	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Trịnh Tường	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Viết Minh	Giám đốc
Ông Trần Văn Khôi	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hòa Nam	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Dinh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Bùi Viết Minh
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - TÀI CHÍNH - TƯ VẤN

Phòng 2003 - Nhà 34T Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (84-4) 2210 304

Fax: (84-4) 2210 305

Email: anphu@anphugroup.com.vn

Website: www.anphugroup.com.vn

Số: 112 /2010/AP-KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 7 đến trang 18 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính giữa niên độ). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 30/6/2010 Công ty đang trích trước chi phí ủng hộ Bệnh viện ung thư Đà Nẵng 500 tấn xi măng tương ứng số tiền 522.500.000 đồng nhưng số lượng xi măng này chưa được Công ty xuất chuyển cho Bệnh viện ung thư Đà Nẵng. Ban Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ bàn giao toàn bộ số xi măng này trong năm 2010.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 là số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên lợi nhuận kế toán mà chưa tính ảnh hưởng của chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu VICEM.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Lê Mạnh Thắng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0934/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.272.861.295	150.858.253.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.388.256.395	24.236.497.320
1. Tiền	111		25.388.256.395	14.236.497.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu	130		60.908.106.098	62.434.849.930
1. Phải thu của khách hàng	131		59.589.371.435	44.191.339.100
2. Trả trước cho người bán	132		4.988.790.357	4.979.855.188
5. Các khoản phải thu khác	135	5	339.883.613	17.273.594.949
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.009.939.307)	(4.009.939.307)
III. Hàng tồn kho	140	6	48.767.581.242	60.865.073.228
1. Hàng tồn kho	141		48.767.581.242	60.865.073.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.917.560	3.321.833.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.532.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	154		-	3.163.804.050
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		208.917.560	155.497.470
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.878.650.397	165.013.949.438
I. Tài sản cố định	220		152.136.485.102	160.203.543.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	123.785.082.161	130.604.813.759
- Nguyên giá	222		312.675.736.852	310.309.268.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.890.654.691)	(179.704.454.283)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	26.625.000.000	27.754.711.067
- Nguyên giá	228		30.683.767.425	30.683.767.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.058.767.425)	(2.929.056.358)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.726.402.941	1.844.018.425
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.742.165.295	4.810.406.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.742.165.295	4.810.406.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		304.151.511.692	315.872.203.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		113.976.104.245	124.170.431.794
I. Nợ ngắn hạn	310		113.680.321.059	123.968.363.668
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	500.000.000	20.500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		42.387.233.808	57.820.429.131
3. Người mua trả tiền trước	313		4.131.000	48.578.043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.501.094.983	3.564.735.059
5. Phải trả người lao động	315		5.230.223.171	5.610.379.247
6. Chi phí phải trả	316	13	14.972.878.681	14.825.883.031
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	46.721.393.287	19.595.668.663
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.363.366.129	2.002.690.494
II. Nợ dài hạn	330		295.783.186	202.068.126
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		295.783.186	202.068.126
B. NGUỒN VỐN	400		190.175.407.447	191.701.771.642
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	190.175.407.447	191.701.771.642
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.665.134	3.665.134
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(135.130.322)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		337.061.816	337.061.816
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		337.061.816	337.061.816
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.497.618.681	6.159.113.198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		304.151.511.692	315.872.203.436

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2010	01/01/2010
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	48.436.234.190	44.097.366.925
4. Nợ khó đòi đã xử lý	5.884.053.928	5.884.053.928
5. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	12,45	12,45
- Kip Lào (LAK)	83.490	83.490



Bùi Viết Minh
Giám đốc

Đinh Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Trương Văn Tuấn
Người lập

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

Mẫu B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	205.886.693.664	137.368.944.261
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	205.886.693.664	137.368.944.261
4. Giá vốn hàng bán	11	17	189.867.291.345	125.607.513.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		16.019.402.319	11.761.431.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	501.013.466	737.081.685
7. Chi phí tài chính	22	19	1.028.448.436	1.260.503.269
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.028.448.436	1.249.771.191
8. Chi phí bán hàng	24		4.001.908.040	5.741.277.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.886.628.802	4.157.809.364
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.603.430.507	1.338.923.246
11. Thu nhập khác	31		837.560.137	148.155.746
12. Chi phí khác	32		9.650.000	68.594.871
13. Lợi nhuận khác	40		827.910.137	79.560.875
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.431.340.644	1.418.484.121
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	1.357.835.161	248.427.221
17. Lợi nhuận sau thuế	60		4.073.505.483	1.170.056.900
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	220	63



Bùi Viết Minh
Giám đốc

Đinh Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Trương Văn Tuấn
Người lập

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.431.340.644	1.418.484.121
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.315.911.475	(9.831.118.256)
- Các khoản dự phòng	03	-	(60.000.000)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(501.013.466)	(737.081.685)
- Chi phí lãi vay	06	1.028.448.436	1.249.771.191
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.274.687.089	(7.959.944.629)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.637.127.792	(17.992.401.827)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.097.491.986	9.861.400.195
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(17.720.087.254)	5.125.736.612
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(929.227.108)	(4.597.262.664)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(294.708.338)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.428.167.518)	(3.231.895.619)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	29.982.657.076	6.534.970.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.639.324.365)	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.980.449.360	(12.359.397.932)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.594.703.751)	(3.058.826.057)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	501.013.466	737.081.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.093.690.285)	(2.321.744.372)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	20.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.000.000.000)	(27.540.247.116)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.735.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.735.000.000)	(7.540.247.116)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.151.759.075	(22.221.389.420)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	24.236.497.320	34.650.618.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	36.388.256.395	12.429.228.895



Bùi Viết Minh
Giám đốc

Đinh Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Trương Văn Tuấn
Người lập

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2010

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 09/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2008.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 185.000.000.000 đồng tương ứng với 18.500.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 14.141.000 cổ phiếu tương ứng với 141.410.000.000 đồng, chiếm 76,44 % vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 4.359.000 cổ phiếu tương ứng với 43.590.000.000 đồng, chiếm 23,56% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2010 là 312 người (Tại 31/12/2009 là 298 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh xi măng;
- Xuất nhập khẩu xi măng và clinker;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành xi măng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khai thác khoáng sản, các loại phụ gia cho sản xuất xi măng;
- Kinh doanh đầu tư bất động sản, nhà hàng, bất động sản;
- Kinh doanh cảng biển;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- San lấp mặt bằng;
- Chế tạo, sửa chữa phụ tùng, phụ kiện phục vụ ngành xi măng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức kế toán máy.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT - BTC của Bộ Tài Chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm kế toán, quản lý ISO và giá trị thương hiệu VICEM được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1716/QĐ-XMVN ngày 15/10/2007 về việc phê duyệt giá trị tài sản Nhà nước cổ phần hóa Công ty Xi măng Hải Vân. Giá trị thương hiệu được trích khấu hao trong thời gian 20 năm. Số khấu hao được trích cho giá trị thương hiệu không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận khi chắc chắn các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN

65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	453.150.350	57.551.904
Tiền gửi ngân hàng	24.935.106.045	14.178.945.416
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>36.388.256.395</u>	<u>24.236.497.320</u>

5. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	106.059.800	16.971.681.210
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	186.366.549	199.691.478
Lãi dự thu	-	11.166.667
Phải thu khác	47.457.264	91.055.594
Cộng	<u>339.883.613</u>	<u>17.273.594.949</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	647.240.400	14.964.950.861
Nguyên liệu, vật liệu	42.475.153.788	42.975.849.531
Công cụ, dụng cụ	190.624.939	84.513.187
Thành phẩm	5.454.562.115	2.839.759.649
Cộng	<u>48.767.581.242</u>	<u>60.865.073.228</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>48.767.581.242</u>	<u>60.865.073.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN

65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	144.032.734.944	153.767.489.846	10.425.096.447	2.083.946.805	310.309.268.042
Mua sắm	-	470.140.000	-	1.896.328.810	2.366.468.810
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	144.032.734.944	154.237.629.846	10.425.096.447	3.980.275.615	312.675.736.852
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	53.123.683.494	119.384.058.884	6.363.745.335	832.966.570	179.704.454.283
Khấu hao trong kỳ	2.713.628.310	5.593.470.521	614.986.530	264.115.047	9.186.200.408
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	55.837.311.804	124.977.529.405	6.978.731.865	1.097.081.617	188.890.654.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	90.909.051.450	34.383.430.962	4.061.351.112	1.250.980.235	130.604.813.759
Tại ngày 30/06/2010	88.195.423.140	29.260.100.441	3.446.364.582	2.883.193.998	123.785.082.161
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng</i>	737.638.557	2.617.739.663	1.966.209.233	398.987.546	5.720.574.999
<i>Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý</i>	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quy trình quản lý ISO VND	Phân mềm kế toán VND	Giá trị thương hiệu VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	613.044.795	70.722.630	30.000.000.000	30.683.767.425
Mua sắm	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	613.044.795	70.722.630	30.000.000.000	30.683.767.425
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	608.333.728	70.722.630	2.250.000.000	2.929.056.358
Khấu hao trong kỳ	4.711.067	-	1.125.000.000	1.129.711.067
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	613.044.795	70.722.630	3.375.000.000	4.058.767.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2010	4.711.067	-	27.750.000.000	27.754.711.067
Tại ngày 30/06/2010	-	-	26.625.000.000	26.625.000.000

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Hệ thống thoát nước, bờ kè	109.460.691	17.552.365
Hệ thống quản lý doanh nghiệp	1.616.942.250	1.826.466.060
Cộng	1.726.402.941	1.844.018.425

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền thuê đất	4.723.870.105	4.787.706.187
Tiền thuê nhà	7.700.000	22.700.000
Chi phí bi đạn	1.010.595.190	-
Cộng	5.742.165.295	4.810.406.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>20.500.000.000</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.193.509.917	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.900.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.262.229.947	2.332.562.304
Các khoản thuế khác	45.355.119	1.217.272.678
Cộng	<u>2.501.094.983</u>	<u>3.564.735.059</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay phải trả	8.752.434.432	8.754.656.654
Chi phí khuyến mại	1.087.299.039	1.772.583.724
Chi phí phải trả khác (i)	5.133.145.210	4.298.642.653
Cộng	<u>14.972.878.681</u>	<u>14.825.883.031</u>

(i): Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty trích trước chi phí hỗ trợ cho Bệnh viện ung thư Đà Nẵng 500 tấn xi măng tương đương với số tiền 522.500.000 đồng nhưng thực tế số lượng xi măng này Công ty chưa xuất cho Bệnh viện Ung Thư Đà Nẵng.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	348.539.616	127.983.654
Bảo hiểm xã hội	31.214.951	19.902.090
Phải trả về cổ phần hóa	9.051.481.014	11.051.481.014
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.600.000.000	727.962.381
Phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN	7.623.266.610	7.623.266.610
Quỹ đền ơn	33.872.914	33.872.914
Các khoản phải trả phải nộp khác	33.018.182	11.200.000
Cộng	<u>46.721.393.287</u>	<u>19.595.668.663</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN

65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2010	185.000.000.000	3.665.134	(135.130.322)	337.061.816	337.061.816	6.159.113.198	191.701.771.642
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.073.505.483	4.073.505.483
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(135.130.322)	-	-	5.735.000.000	5.599.869.678
Tại 30/06/2010	185.000.000.000	3.665.134	-	337.061.816	337.061.816	4.497.618.681	190.175.407.447

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty đã thông qua mức chi trả cổ tức 3,1%/cổ phần tương ứng với số tiền 5.735.000.000 đồng. Công ty đã chi trả cho các cổ đông trong 6 tháng đầu năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Doanh thu xi măng sản xuất	115.627.786.105	72.818.363.075
Doanh thu xi măng gia công	25.283.792.642	23.878.247.776
Doanh thu bán xi măng gia công	56.127.749.842	17.140.869.591
Doanh thu khác	8.847.365.075	23.531.463.819
Cộng	205.886.693.664	137.368.944.261
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	205.886.693.664	137.368.944.261

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Giá vốn xi măng sản xuất tiêu thụ	102.004.744.226	68.319.091.753
Giá vốn xi măng gia công	22.904.571.340	18.195.989.833
Giá vốn bán xi măng gia công	56.586.037.191	17.026.122.485
Giá vốn hoạt động khác	8.371.938.588	22.066.308.996
Cộng	189.867.291.345	125.607.513.067

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	501.013.466	737.081.685
Cộng	501.013.466	737.081.685

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	1.028.448.436	1.249.771.191
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	10.732.078
Cộng	1.028.448.436	1.260.503.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.431.340.644	1.418.484.121
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	1.100.000
Thu nhập chịu thuế	5.431.340.644	1.419.584.121
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành	1.357.835.161	354.896.030
Giảm 30% theo Nghị quyết 30/2008 của CP	-	106.468.809
Thuế TNDN phải nộp	1.357.835.161	248.427.221

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 là số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên lợi nhuận kế toán mà chưa tính ảnh hưởng của chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu VICEM.

21. CỔ PHIẾU

		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	18.500.000	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	cổ phiếu	18.500.000	18.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	18.500.000	18.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	cổ phiếu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	18.500.000	18.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	18.500.000	18.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	18.500.000	18.500.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.073.505.483	1.170.056.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	220	63

23. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 26/03/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 07/NQ-ĐHĐ CĐ, trong đó chấp thuận xin từ nhiệm của ông Tạ Quang Bửu và bổ nhiệm bà Nguyễn Bích Thủy - Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã làm thủ tục với UBCKNN về việc đăng ký niêm yết 18,5 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE). Tại Công văn số 1270/SGDHCM-NY ngày 21/7/2010, UBCKNN đã thông báo cho Công ty việc chỉ chấp thuận về nguyên tắc cho phép niêm yết 15,5 triệu cổ phiếu, 3 triệu cổ phiếu còn lại tương ứng với mệnh giá 30 tỷ VND chưa được chấp thuận niêm yết với lý do các Cổ đông của Công ty góp vốn bằng tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu VICEM với số tiền 30 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị Công ty đang tiếp tục giải trình với UBCKNN về vấn đề này.

25. SỔ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, Công ty đã có các giao dịch quan trọng và sổ dư với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	18.749.160.075	6.859.099.002
Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng	-	381.778.243
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	13.573.258.967	7.986.968.774
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	1.719.081.961	27.318.466.781
Công ty Cổ phần Xi măng VLXD và XL Đà Nẵng	2.128.392.270	818.692.624

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	13.027.352.280	4.963.722.450
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	42.002.444.077	-
Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng - Chi nhánh Quảng trị	7.247.356.239	12.958.062.782
Công ty Cổ phần Xi măng VLXD và XL Đà Nẵng	8.152.329.050	4.461.825.390
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND

Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	5.804.674.038	22.089.661.389

Sổ dư với các bên liên quan

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	5.804.674.038	22.089.661.389
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND

Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xi măng VLXD và XL Đà Nẵng	3.608.660.210	4.022.146.515
Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng	3.454.500.920	1.992.506.190
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	16.942.703.039	37.313.474.665
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	9.594.533.193	5.361.486.289

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	-	20.000.000.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC). Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 là số liệu chưa được soát xét.

